

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc
hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người hoạt động
không chuyên trách cấp xã năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Kết luận số 73-KL/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tạm giao biên chế khối chính quyền năm 2026;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tỉnh Cà Mau năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 8 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2026, như sau:

1. Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 4.818 biên chế (Kèm theo Phụ lục 01).

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 31.976 người (Kèm theo Phụ lục 02).

3. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 839 người (Kèm theo Phụ lục 03).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 8 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều



Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC TỈNH CÀ MAU NĂM 2026**
(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế cán bộ, công chức	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG I+II+III	4.818	
I	CẤP TỈNH	1.683	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	107	
2	Sở Nội vụ	111	
3	Sở Tài chính	136	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	391	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	74	
6	Sở Xây dựng	108	
7	Sở Công Thương	136	
8	Sở Tư pháp	53	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	61	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	67	
11	Sở Y tế	101	
12	Thanh tra tỉnh	197	
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	40	
14	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	56	
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau	37	
16	Văn phòng Ban An toàn giao thông	8	
II	CẤP XÃ	2.861	
1	Phường An Xuyên	64	
2	Phường Lý Văn Lâm	61	
3	Phường Tân Thành	65	
4	Phường Hòa Thành	47	
5	Xã Tân Thuận	41	
6	Xã Tân Tiến	40	
7	Xã Tạ An Khương	40	
8	Xã Trần Phán	38	

9	Xã Thanh Tùng	37	
10	Xã Đầm Dơi	43	
11	Xã Quách Phẩm	38	
12	Xã U Minh	40	
13	Xã Nguyễn Phích	42	
14	Xã Khánh Lâm	43	
15	Xã Khánh An	37	
16	Xã Phan Ngọc Hiến	43	
17	Xã Đất Mũi	40	
18	Xã Tân Ân	38	
19	Xã Khánh Bình	43	
20	Xã Đá Bạc	44	
21	Xã Khánh Hưng	44	
22	Xã Sông Đốc	47	
23	Xã Trần Văn Thời	50	
24	Xã Thới Bình	43	
25	Xã Trí Phải	48	
26	Xã Tân Lộc	41	
27	Xã Hồ Thị Kỷ	37	
28	Xã Biển Bạch	41	
29	Xã Đất Mới	37	
30	Xã Năm Căn	48	
31	Xã Tam Giang	37	
32	Xã Cái Đôi Vàm	42	
33	Xã Nguyễn Việt Khái	42	
34	Xã Phú Tân	40	
35	Xã Phú Mỹ	37	
36	Xã Lương Thế Trân	50	
37	Xã Tân Hưng	41	
38	Xã Hưng Mỹ	43	
39	Xã Cái Nước	50	
40	Phường Bạc Liêu	70	
41	Phường Hiệp Thành	52	
42	Phường Vĩnh Trạch	56	
43	Phường Giá Rai	59	
44	Phường Láng Tròn	47	
45	Xã Phong Thạnh	50	
46	Xã Hồng Dân	49	
47	Xã Ninh Quới	40	
48	Xã Ninh Thạnh Lợi	36	
49	Xã Vĩnh Lộc	36	
50	Xã An Trạch	38	
51	Xã Định Thành	41	

52	Xã Long Điền	44	
53	Xã Đông Hải	44	
54	Xã Gành Hào	39	
55	Xã Hòa Bình	54	
56	Xã Vĩnh Mỹ	50	
57	Xã Vĩnh Hậu	50	
58	Xã Phước Long	47	
59	Xã Vĩnh Phước	43	
60	Xã Vĩnh Thanh	42	
61	Xã Phong Hiệp	38	
62	Xã Vĩnh Lợi	45	
63	Xã Hưng Hội	43	
64	Xã Châu Thới	46	
III	DỰ PHÒNG	274	



Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP CHƯA TỰ BẢO ĐẢM CHI THUỜNG XUYỀN
TỈNH CÀ MAU NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng người làm việc (Hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG I+II+III	31.976	
I	CẤP TỈNH	7.869	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	46	
2	Sở Nội vụ	68	
3	Sở Tài chính	19	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	721	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	82	
6	Sở Công Thương	26	
7	Sở Tư pháp	57	
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	276	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.812	
10	Sở Y tế	2.074	
12	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	78	
13	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	91	
14	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	77	
15	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	58	
16	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	45	
17	Trường Đại học Bạc Liêu	201	
18	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu	67	
19	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	47	
20	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu	24	
II	DỰ PHÒNG	356	
III	CẤP XÃ	23.751	
1	Phường An Xuyên	744	

2	Phường Lý Văn Lâm	331	
3	Phường Tân Thành	878	
4	Phường Hòa Thành	373	
5	Xã Tân Thuận	220	
6	Xã Tân Tiến	284	
7	Xã Tạ An Khương	293	
8	Xã Trần Phán	264	
9	Xã Thanh Tùng	264	
10	Xã Đàm Dơi	458	
11	Xã Quách Phẩm	276	
12	Xã U Minh	341	
13	Xã Nguyễn Phích	374	
14	Xã Khánh Lâm	276	
15	Xã Khánh An	221	
16	Xã Phan Ngọc Hiến	347	
17	Xã Đất Mũi	243	
18	Xã Tân Ân	218	
19	Xã Khánh Bình	371	
20	Xã Đá Bạc	507	
21	Xã Khánh Hưng	309	
22	Xã Sông Đốc	489	
23	Xã Trần Văn Thời	553	
24	Xã Thới Bình	429	
25	Xã Trí Phải	416	
26	Xã Tân Lộc	298	
27	Xã Hồ Thị Kỷ	292	
28	Xã Biển Bạch	314	
29	Xã Đất Mới	246	
30	Xã Năm Căn	384	
31	Xã Tam Giang	219	
32	Xã Cái Đôi Vàm	352	
33	Xã Nguyễn Việt Khái	346	
34	Xã Phú Tân	307	
35	Xã Phú Mỹ	206	
36	Xã Lương Thế Trân	646	
37	Xã Tân Hưng	392	
38	Xã Hưng Mỹ	338	
39	Xã Cái Nước	491	
40	Phường Bạc Liêu	856	
41	Phường Hiệp Thành	253	
42	Phường Vĩnh Trạch	261	
43	Phường Giá Rai	714	
44	Phường Láng Tròn	380	
45	Xã Phong Thạnh	481	
46	Xã Hồng Dân	529	

47	Xã Ninh Quới	298	
48	Xã Ninh Thạnh Lợi	201	
49	Xã Vĩnh Lộc	236	
50	Xã An Trạch	212	
51	Xã Định Thành	337	
52	Xã Long Điền	426	
53	Xã Đông Hải	305	
54	Xã Gành Hào	233	
55	Xã Hòa Bình	520	
56	Xã Vĩnh Mỹ	398	
57	Xã Vĩnh Hậu	407	
58	Xã Phước Long	440	
59	Xã Vĩnh Phước	381	
60	Xã Vĩnh Thanh	376	
61	Xã Phong Hiệp	246	
62	Xã Vĩnh Lợi	261	
63	Xã Hưng Hội	293	
64	Xã Châu Thới	397	



Phụ lục 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	839	
1	Phường An Xuyên	49	
2	Phường Lý Văn Lâm	5	
3	Phường Tân Thành	20	
4	Phường Hòa Thành	18	
5	Xã Tân Thuận	10	
6	Xã Tân Tiến	13	
7	Xã Tạ An Khương	14	
8	Xã Trần Phán	6	
9	Xã Thanh Tùng	16	
10	Xã Đầm Dơi	19	
11	Xã Quách Phẩm	7	
12	Xã U Minh	15	
13	Xã Nguyễn Phích	10	
14	Xã Khánh Lâm	16	
15	Xã Khánh An	18	
16	Xã Phan Ngọc Hiển	17	
17	Xã Đất Mũi	13	
18	Xã Tân Ân	11	
19	Xã Khánh Bình	16	
20	Xã Đá Bạc	21	
21	Xã Khánh Hưng	11	
22	Xã Sông Đốc	12	
23	Xã Trần Văn Thời	12	
24	Xã Thới Bình	11	
25	Xã Trí Phải	24	
26	Xã Tân Lộc	13	
27	Xã Hồ Thị Kỷ	7	

28	Xã Biển Bạch	18	
29	Xã Đất Mới	7	
30	Xã Năm Căn	10	
31	Xã Tam Giang	9	
32	Xã Cái Đôi Vàm	9	
33	Xã Nguyễn Việt Khái	15	
34	Xã Phú Tân	11	
35	Xã Phú Mỹ	10	
36	Xã Lương Thế Trân	16	
37	Xã Tân Hưng	12	
38	Xã Hưng Mỹ	15	
39	Xã Cái Nước	13	
40	Phường Bạc Liêu	23	
41	Phường Hiệp Thành	13	
42	Phường Vĩnh Trạch	7	
43	Phường Giá Rai	13	
44	Phường Láng Tròn	7	
45	Xã Phong Thạnh	9	
46	Xã Hồng Dân	18	
47	Xã Ninh Quới	15	
48	Xã Ninh Thạnh Lợi	10	
49	Xã Vĩnh Lộc	10	
50	Xã An Trạch	6	
51	Xã Định Thành	21	
52	Xã Long Điền	9	
53	Xã Đông Hải	10	
54	Xã Gành Hào	10	
55	Xã Hòa Bình	16	
56	Xã Vĩnh Mỹ	16	
57	Xã Vĩnh Hậu	9	
58	Xã Phước Long	10	
59	Xã Vĩnh Phước	11	
60	Xã Vĩnh Thanh	7	
61	Xã Phong Hiệp	11	
62	Xã Vĩnh Lợi	5	
63	Xã Hưng Hội	8	
64	Xã Châu Thới	16	